

Số: 24/TB-TTPTQĐ

TP. Tây Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên

Căn cứ khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành bảng đơn giá nhà, vật kiến trúc áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành bảng giá bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây trái và vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 3370/UBND-KTN ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thỏa thuận vị trí xây dựng trạm biến áp 220kV Tân Biên và hướng tuyến đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-EVNNPT ngày 07/8/2019 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Công trình Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư thực hiện dự án Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc kiện toàn Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư thực hiện dự án Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên;

Căn cứ Thông báo số 89/TB-UBND ngày 18/6/2021 của UBND Thành phố về việc thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án: Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND Thành phố về việc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ để lấy ý kiến các hộ dân có đất bị thu hồi theo quy định;

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Tây Ninh thông báo đến tổ chức, các hộ gia đình và cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện dự án Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên như sau:

1. Đề nghị tổ chức, các hộ gia đình và cá nhân có đất thuộc phạm vi thực hiện dự án Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên đến tại Văn phòng BQL Khu phố Ninh Nghĩa, trụ sở UBND Phường Ninh Thạnh, Văn phòng BQL Khu phố Ninh Phú, Văn phòng BQL Khu phố Ninh Bình và trụ sở UBND phường Ninh Sơn, Văn phòng BQL ấp Tân Hòa, trụ sở UBND xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh để xem dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án Trạm biến áp 220kV Tân Biên và đường dây 220kV Tây Ninh – Tân Biên.

2. Thời gian niêm yết, đóng góp ý kiến: 15 ngày kể từ ngày niêm yết.

3. Các hộ dân có đất bị thu hồi có ý kiến đóng góp về nội dung dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ đề nghị có ý kiến bằng văn bản gửi đến Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Tây Ninh để tổng hợp và xem xét giải quyết theo quy định.

Địa chỉ: Số 029 đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh.

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ NHƯ SAU:

1. Bồi thường đất:

1.1. Đối với diện tích đất thu hồi để làm chân trụ điện (33 trụ, diện tích đất thu hồi 7.976,9 m²):

Thực hiện theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Đơn giá đất tính bồi thường: Thực hiện theo Thông báo số 2442/TB-VP ngày 13/4/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Trần Văn Chiến về tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình điện trên địa bàn tỉnh và theo Kết quả điều tra, thu thập thông tin, xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất do Công ty TNHH Tư vấn định giá đất và Tài nguyên môi trường Phía Nam thực hiện đã được thông qua cuộc họp UBND Thành phố. Cụ thể như sau:

STT	Đặc điểm	Loại đất	Khu vực, vị trí	Phạm vi	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ 04/2022/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo giá thị trường (đồng/m ²)
I	Xã Tân Bình						
1	Tiếp giáp mặt tiền đường Trần Phú (ĐT 785 cũ) đoạn từ Kênh Tây đến Ngã ba đường vào xã Thanh Tân	ONT	Vị trí 1	50m đầu	4.200.000	5.040.000	11.101.600
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	1.680.000	2.016.000	4.440.600
2	Tiếp giáp mặt tiền đường Trần Phú (ĐT 785 cũ) đoạn từ Kênh Tây đến Ngã ba đường vào xã Thanh Tân (đường nhựa có độ rộng > 9m khu vực có quy hoạch đất ở)	CLN	Vị trí 1	50m đầu	300.000	360.000	7.201.600
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	150.000	180.000	3.600.800
3	Tiếp giáp đường nhựa có độ rộng từ 3,5m đến dưới 6,0m (khu vực có quy hoạch đất ở)	CLN	Vị trí 2	50m đầu	300.000	360.000	1.871.500
			Vị trí 3	Sau 50m đầu	150.000	180.000	935.700
4	Tiếp giáp đường đất có độ rộng từ 3,5m đến dưới 6,0m (khu vực không có quy hoạch đất ở)	CLN	Vị trí 2	50 mét đầu	101.000	121.200	662.000
			Vị trí 3	Sau 50 mét	75.000	90.000	384.000
5	Không tiếp giáp đường	CLN	Vị trí 3		150.000	180.000	388.500

STT	Đặc điểm	Loại đất	Khu vực, vị trí	Phạm vi	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ 04/2022/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo giá thị trường (đồng/m ²)
II	Phường Ninh Sơn						
1	Tiếp giáp mặt tiền đường Bờ Lờ đoạn từ Ngã 3 Điện Biên Phủ đến Ngã 3 đường nhựa (hướng DMC)	ODT	Vị trí 1	50m đầu	6.000.000	7.200.000	14.207.400
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	2.400.000	2.880.000	5.683.000
2	Tiếp giáp mặt tiền đường Trần Phú (ĐT 785 cũ) đoạn từ Kênh Tây đến Ngã ba đường vào xã Thạnh Tân	ODT	Vị trí 1	50m đầu	4.200.000	5.040.000	11.101.600
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	1.680.000	2.016.000	4.440.600
3	Tiếp giáp hẻm đường đất >6m (phạm vi >250m) của đường Trần Phú (ĐT 785 cũ) đoạn từ Kênh Tây đến Ngã ba đường vào xã Thạnh Tân	ODT	Vị trí 1	50m đầu	1.008.000	1.209.600	2.664.400
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	403.200	483.840	1.332.200
4	Tiếp giáp mặt tiền đường Trần Phú (ĐT 785 cũ) đoạn từ Kênh Tây đến Ngã ba đường vào xã Thạnh Tân (đường nhựa có độ rộng > 9m khu vực có quy hoạch	CLN	Vị trí 1	50m đầu	300.000	360.000	7.201.600
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	150.000	180.000	3.600.800

STT	Đặc điểm	Loại đất	Khu vực, vị trí	Phạm vi	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ 04/2022/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo giá thị trường (đồng/m ²)
	<i>đất ở</i>)						
5	Tiếp giáp mặt tiền đường Bờ Lờ đoạn từ Ngã 3 Điện Biên Phủ đến Ngã 3 đường nhựa (hướng DMC) <i>(đường nhựa có độ rộng > 9m khu vực có quy hoạch đất ở)</i>	CLN	Vị trí 1	50m đầu	300.000	360.000	8.507.400
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	150.000	180.000	4.253.700
6	Tiếp giáp đường nhựa có độ rộng >6m <i>(khu vực có quy hoạch đất ở)</i>	CLN	Vị trí 1	50m đầu	300.000	360.000	5.182.100
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	150.000	180.000	2.591.000
7	Tiếp giáp đường đất có độ rộng từ 3,5m đến dưới 6,0m <i>(khu vực có quy hoạch đất ở)</i>	CLN	Vị trí 2	50m đầu	300.000	360.000	1.871.500
			Vị trí 3	Sau 50m đầu	150.000	180.000	935.700
8	Không tiếp giáp đường	CLN	Vị trí 3		150.000	180.000	388.500

STT	Đặc điểm	Loại đất	Khu vực, vị trí	Phạm vi	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ 04/2022/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo giá thị trường (đồng/m ²)
III	Phường Ninh Thạnh						
1	Tiếp giáp mặt tiền đường Bồi Lồi đoạn từ Ngã 3 Điện Biên Phủ đến Ngã 3 đường nhựa (hướng DMC)	ODT	Vị trí 1	50m đầu	6.000.000	7.200.000	14.207.400
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	2.400.000	2.880.000	5.683.000
2	Tiếp giáp hẻm đường đất <3,5m của đường Bồi Lồi đoạn từ Ngã 3 Điện Biên Phủ đến Ngã 3 đường nhựa (hướng DMC)	ODT	Vị trí 1	50m đầu	960.000	1.152.000	2.273.200
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	384.000	460.800	909.300
3	Tiếp giáp mặt tiền đường Bồi Lồi đoạn từ Ngã 3 Điện Biên Phủ đến Ngã 3 đường nhựa (hướng DMC) (đường nhựa có độ rộng > 9m khu vực có quy hoạch đất ở)	CLN	Vị trí 1	50m đầu	300.000	360.000	8.507.400
			Vị trí 2	Sau 50m đầu	150.000	180.000	4.253.700
4	Tiếp giáp đường đất có độ rộng từ 3,5m đến dưới 6,0m (khu vực có quy hoạch đất ở)	CLN	Vị trí 2	50m đầu	300.000	360.000	1.871.500
			Vị trí 3	Sau 50m đầu	150.000	180.000	935.700

STT	Đặc điểm	Loại đất	Khu vực, vị trí	Phạm vi	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo QĐ 35/2020/QĐ-UBND nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ 04/2022/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Đơn giá đất theo giá thị trường (đồng/m ²)
5	Không tiếp giáp đường	CLN	Vị trí 3		150.000	180.000	388.500

1.2. Đối với diện tích đất bị ảnh hưởng dưới hành lang lưới điện 191.936,8 m²:

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND, ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền một lần theo mức thiệt hại thực tế được thực hiện như sau:

a) Diện tích đất ở thực tế trong hành lang an toàn lưới điện bị hạn chế khả năng sử dụng được bồi thường. Mức bồi thường bằng 80% giá đất ở tính trên diện tích đất ở nằm trong hành lang bị hạn chế khả năng sử dụng;

b) Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác của một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang an toàn lưới điện chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức giao đất ở thì phần diện tích các loại đất trên cùng thửa đất được bồi thường bằng 80% giá đất đối với diện tích từng loại đất nằm trong hành lang bị hạn chế khả năng sử dụng;

c) Trường hợp đất ở không đủ điều kiện được bồi thường thì được xem xét hỗ trợ bằng 30% giá đất của các loại đất tương ứng tính trên diện tích đất tương ứng nằm trong hành lang bị hạn chế khả năng sử dụng;

d) Đất phi nông nghiệp (trừ đất ở), đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và đất nông nghiệp khác trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Mức hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường thu hồi đất của cùng loại đất tính trên diện tích từng loại đất nằm trong hành lang bị hạn chế khả năng sử dụng.

Đơn giá đất tính hỗ trợ: Thực hiện theo Thông báo số 2442/TB-VP ngày 13/4/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Trần Văn Chiến về tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình điện trên địa bàn tỉnh và theo Kết quả điều tra, thu thập thông tin, xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất do Công ty TNHH Tư vấn định giá đất và Tài nguyên môi trường Phía Nam thực hiện đã được thông qua cuộc họp UBND Thành phố.

2. Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt:

2.1. Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt nằm trên đất thu hồi để làm chân trụ điện:

Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai 2013. Cụ thể:

Điều 89. *Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất*

1. *Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.*

Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế.

2. *Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được bồi thường thiệt hại theo quy định của Chính phủ.*

3. *Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.*

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2.2. Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt nằm trên đất bị ảnh hưởng dưới hành lang lưới điện:

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND, ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

a) *Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV, được xây dựng trên*

đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì được bồi thường bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện dự án;

b) Nhà ở, công trình xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nếu chưa đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 14/2014/NĐ-CP) thì được bồi thường như sau:

- Trường hợp phá dỡ một phần, phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng và các điều kiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì được bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ và chi phí cải tạo, sửa chữa hoàn thiện lại nhà ở, công trình theo thiệt hại thực tế;

- Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời, thì được bồi thường, theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Trường hợp nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật thì tổ chức thực hiện công tác bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân cấp xã) và Ủy ban Nhân dân cấp huyện, kiểm tra xem xét hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 30% theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện dự án;

d) Ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này, nếu chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tự tìm được chỗ ở mới và có nguyện vọng di chuyển khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, thì tự thực hiện việc di chuyển chỗ ở và được hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy định này. Cụ thể:

- Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh được hỗ trợ mỗi hộ theo mức 6.500.000 đồng; di chuyển sang tỉnh khác được chính quyền địa phương của tỉnh nơi hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến ở xác nhận thì mức hỗ trợ mỗi hộ theo mức 12.500.000 đồng.

- Trường hợp tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất, diện tích đất còn lại đủ để xây dựng lại nhà tại nơi ở cũ (theo quy chuẩn xây dựng) thì

được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời bằng 50% mức hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh.

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Bồi thường hoa màu, cây trái:

- Đối với hoa màu cây trái nằm trong phạm vi thu hồi đất để làm chân trụ điện:

Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai 2013; Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh Quy định giá bồi thường đối với cây trồng và vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đối với hoa màu cây trái nằm dưới hành lang lưới điện:

+ Đối với những khoảng trụ thiết kế vượt cây cao su: Không bồi thường, hỗ trợ.

+ Đối với những khoảng trụ không thiết kế vượt cây cao su (Chi tiết theo Công văn số 0299/PECC5-LĐ ngày 13/4/2021 của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 5 về việc thiết kế vượt cây cao su trong tuyến hành lang an toàn thuộc công trình trạm biến áp 220KV Tân Biên và đường dây 220KV Tây Ninh Tân Biên):

Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai 2013; Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh Quy định giá bồi thường đối với cây trồng và vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Tây Ninh đề nghị UBND phường Ninh Thạnh, UBND phường Ninh Sơn và UBND xã Tân Bình hỗ trợ niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND Phường và tổ chức thông báo trên Trạm truyền thanh của phường để các hộ dân biết và có ý kiến đóng góp./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (b/c);
- Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam;
- UBND phường Ninh Thạnh;
- UBND phường Ninh Sơn;
- UBND xã Tân Bình;
- Hộ dân;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cù Thanh Tuấn

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dự án: Trạm Biến áp 220KV Tân Biên và đường dây 220KV Tây Ninh - Tân Biên

Phạm vi: Phường Ninh Thạnh

Stt	Họ và tên	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Tây Ninh						
	CCCD:	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	Đ/c:	Đất Thu hồi chân trụ số 07 (thuộc thửa đất số 9 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	30,00			Đất nhà nước quản lý không bồi thường, hỗ trợ
	SĐT: 0985877688 (A.Danh)	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 6 đến trụ số 8) thuộc thửa đất hiện trạng số 10	m ²	1.631,40			Đất nhà nước quản lý không bồi thường, hỗ trợ
		Móng BTCT	m ³	1,50	1.440.000	2.160.000	
		Hoa lan	m ²	30,00	30.000	900.000	540 cây
		Cây sưa F40	cây	2,00	2.500.000	5.000.000	
	Cao su 8 năm	cây	1,00	400.000	400.000		
	Cộng					8.460.000	
2	Lý Văn Diệu	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CMND: 290210419	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²	0,00			
	Đ/c: số 20, đường số 22, tổ 9, Trường Chinh, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, TPTN.	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 03 đến trụ số 04) thuộc thửa đất hiện trạng số 20 Tờ bản đồ số 1,	m ²	384,50	561.450	215.877.525	Hỗ trợ 30% đơn giá 1.871.500 đ/m ²
	SĐT: 0356856197	Cao su 10 năm	cây	40,00	400.000	16.000.000	
	Cộng					231.877.525	
3	Trần Minh Hoàng	Thửa đất số , tờ BĐ số					
	CMND:	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	Đ/c:	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²	0,00			
	SĐT: 0982240370 (a của Hoàng)	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 07 đến trụ số 08) thuộc thửa đất hiện trạng số 2 Tờ bản đồ số 1,	m ²	72,20	2.552.220	184.270.284	Hỗ trợ 30% đơn giá 8.507.400đ/m ²

Stt	Họ và tên	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Nhà: móng gạch, cột gạch, tường xây gạch có tô sơn bê, mái tole trần tole lạnh, cửa sắt kính, nền gạch men, có nhà vệ sinh	m ²	116,28	3.230.000	375.584.400	ĐD: Bà Phạm thị Kim Anh (mất)
		Khung sắt tiền chế, mái tole, có vách, nền gạch men + gạch tàu	m ²	44,00	289.000	12.716.000	
		Khung sắt tiền chế, mái tole, có vách, nền xi măng	m ²	18,00	289.000	5.202.000	
	Cộng					577.772.684	
4	Nguyễn Văn Hải	Thừa đất số	m ²				
	CCCD: 079053004959	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	Đ/c: số 617, Ninh An, Ninh Sơn, TPTN.	Đất Thu hồi chân trụ số 7 (thuộc thửa đất số 7 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	3,60	4.253.700	15.313.320	Phạm vi thu hồi đất từ sau mét thứ 50
	SĐT: 0982240370	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 6 đến trụ số 8) thuộc thửa đất hiện trạng số 3 6 Tờ bản đồ số 1.	m ²	1.180,30		0	Hỗ trợ 30% đơn giá
		Phạm vi 50m đầu	m ²	913,40	2.520.000	2.301.768.000	Hỗ trợ 30% đơn giá 8.507.400d/m ²
		Phạm vi từ sau mét thứ 50	m ²	266,90	1.276.110	340.593.759	Hỗ trợ 30% đơn giá 4.253.700d/m ²
		Nhà chính: móng BTCT, sàn BTCT, tường xây gạch có tô sơn bê, mặt dựng ốp gạch men, nền gạch men, có nhà vệ sinh trong nhà, cửa kính	m ²	187,20	2.261.000	423.259.200	(hỗ trợ 70% đơn giá)
		Nhà cấp 4: móng gạch, cột gạch, mái tôn có trần,(tole lạnh), tường xây gạch tô sơn bê, nền xi măng + gạch terrazo	m ²	67,80	2.147.950	145.631.010	Giảm 5% đơn giá do không có nhà vệ sinh (hỗ trợ 70% đơn giá)
		Nhà vệ sinh: móng gạch, cột gạch, mái tole, trần tole lạnh, tường xây gạch có tô sơn bê, nền gạch men	m ²	5,18	1.715.000	8.883.700	
		Nhà cấp 4: móng gạch, cột gạch, mái tôn có trần,(tole lạnh), tường xây gạch tô sơn bê, nền xi măng + gạch terrazo, cửa sắt không có nhà vệ sinh	m ²	11,10	2.147.950	23.842.245	Giảm 5% đơn giá do không có nhà vệ sinh (hỗ trợ 70% đơn giá)
		Khung sắt tiền chế, mái tole, không vách, nền xi măng	m ²	44,14	167.300	7.384.455	
		Khung sắt tiền chế, mái tole, có vách, nền xi măng	m ²	60,78	167.300	10.167.658	
		Dừa có trái	cây	2,00	600.000	1.200.000	
		Dừa chưa trái	cây	3,00	250.000	750.000	

Stt	Họ và tên	Hàng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
		Mãn 4 năm	cây	2,00	682.000	1.364.000		
		Mít 3 năm	cây	1,00	400.000	400.000		
		Xoài 8 năm	cây	2,00	1.800.000	3.600.000		
		Vú sữa 4 năm	cây	1,00	400.000	400.000		
		Mãng cầu xiêm 4 năm	cây	1,00	1.800.000	1.800.000		
		Sà kê 4 năm	cây	1,00	240.000	240.000		
		Bơ 4 năm	cây	1,00	1.800.000	1.800.000		
		Lộc vừng F50	cây	1,00	3.500.000	3.500.000		
		Cộng					3.291.897.346	
5	Dặng Thị Gợi	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chôn trử số 6 (thuộc thửa đất số 14 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	69,40	388.500	26.961.900		
		Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trử số 4 đến trử số 6) thuộc thửa đất hiện trạng số 11 13 Tờ bản đồ số 1,	m ²	3.249,30	116.550	378.705.915	Hồ trử 30% đơn giá 388.500đ/m ²	
		Cao su 6 năm	cây	215,00	300.000	64.500.000		
		Cao su 4 năm	cây	10,00	200.000	2.000.000		
		Cộng					472.167.815	
6	Phạm Xuân Phong	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chôn trử số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²	0,00				
		Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trử số 6 đến trử số 7) thuộc thửa đất hiện trạng số 12 Tờ bản đồ số 1,	m ²	818,90	116.550	95.442.795	Hồ trử 30% đơn giá 388.500đ/m ²	
		Cao su 10 năm	cây	54,00	400.000	21.600.000		
		SĐT: 0962513750						
		Cộng					117.042.795	
7	Lý Thị Roi	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chôn trử số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²	0,00				
		Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trử số 03 đến trử số 04) thuộc thửa đất hiện trạng số 22 Tờ bản đồ số 1,	m ²	1.536,30	280.710	431.254.773	Hồ trử 30% đơn giá 935.700đ/m ²	
		Nhà cấp 4: móng gạch, cột gạch, mái tôn, không trần, tường xây gạch ống không tô(2 mặt), nền gạch tàu cửa sắt kính	m ²	25,90	1.582.700	40.991.930	Giảm 5% đơn giá do không có nhà vệ sinh + giảm 25% do cột không tô trát hoàn thiện (hồ trử 70% đơn giá)	
		D/c: Ninh Lợi, Ninh Thành, TPTN.						

Stt	Họ và tên	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	SĐT: 0977055172	Mái che khung gỗ, cột gỗ, mái tôn, không vách nền xi măng	m ²	19,25	229.600	4.419.800	(hỗ trợ 70% đơn giá)
		Mái che khung gỗ, cột gỗ, mái lá, không vách, nền xi măng	m ²	32,20	229.600	7.393.120	(hỗ trợ 70% đơn giá)
		Nhà tạm: mái tôn, vách bờ, cột gỗ, xi măng	m ²	16,00	574.700	9.195.200	(hỗ trợ 70% đơn giá)
		Mận 20 năm	cây	1,00	682.000	682.000	
		Cộng				493.936.823	
8	Võ Thanh Tông	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
		Đất Thu hồi chân trụ số 3 (thuộc thửa đất số 24 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	69,40			
		Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 02 đến trụ số 04) thuộc thửa đất hiện trạng số 23 Tờ bản đồ số 1,	m ²	577,70	280.710	162.166.167	Hỗ trợ 30% đơn giá 935.700d/m ²
	CMND: 087061000044	Giếng khoan sâu 24m	giếng	1,00	2.900.000	2.900.000	chiều sâu trên 20m (100.000 đồng/m x chiều sâu thêm)
	Đ/c: Ninh Nghĩa, Ninh Thanh, TPTN.	Nhân 23 năm	cây	20,00	2.646.000	52.920.000	
	SĐT: 0797065660	Mít 7 năm	cây	1,00	600.000	600.000	
		Dừa chưa trái	cây	4,00	250.000	1.000.000	
		Mai ĐK 8cm cao 2m	cây	20,00	800.000	16.000.000	
		Mai chiều thủy ĐK 8cm	cây	3,00	800.000	2.400.000	
		Nguyệt quế ĐK 10cm	cây	1,00	100.000	100.000	
		Cộng				238.086.167	
9	Đặng Phước Cường (vợ Nguyễn Thị Thanh Tiên)	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CCCD: 072080000921 CMND: 290755880	Đất Thu hồi chân trụ số 1 (thuộc thửa đất số 32 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	44,10	388.500	17.132.850	
	Đ/c: Khu Phố 7, Phường 3, TPTN.	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 1 đến trụ số 2) thuộc thửa đất hiện trạng số 30 31 33 34 Tờ bản đồ số 1,	m ²	3.067,90	116.550	357.563.745	Hỗ trợ 30% đơn giá 388.500d/m ²
	SĐT: 0903734954	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 2 đến trụ số 3) thuộc thửa đất hiện trạng số 27 Tờ bản đồ số 1,	m ²	1.761,10	116.550	205.256.205	Hỗ trợ 30% đơn giá 388.500d/m ²
		Cao su 10 năm (HL)	cây	205,00	400.000	82.000.000	
		Cao su 10 năm (CT)	cây	6,00	400.000	2.400.000	
		Cao su 10 năm (HL)	cây	116,00	400.000	46.400.000	
		Cộng				710.752.800	

Stt	Họ và tên	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
10	Nguyễn Văn Nó (vợ Nguyễn Thị Khoác) CCCD: 072056000993 072162001565	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chân trụ số 2 (thuộc thửa đất số 29 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	71,40	388.500	27.738.900		
		Đ/c: ấp Lộc Trị, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, TN.	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 01 đến trụ số 03) thuộc thửa đất hiện trạng số 28 Tờ bản đồ số 1,	m ²	709,20	116.550	82.657.260	Hỗ trợ 30% đơn giá 388.500đ/m ²
		SĐT:	Cao su 10 năm	cây	60,00	400.000	24.000.000	
Cộng						134.396.160		
11	Lê Thị Hào CCCD:	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chân trụ số 4 (thuộc thửa đất số 18 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	33,60	1.871.500	62.882.400		
		Đ/c:	Đất Thu hồi chân trụ số 5 (thuộc thửa đất số 16 Tờ bản đồ hiện trạng số 1)	m ²	33,60	935.700	31.439.520	
		SĐT:	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 4 đến trụ số 5) thuộc thửa đất hiện trạng số 17 Tờ bản đồ số 1,	m ²	2.146,80	561.450	1.205.320.860	Hỗ trợ 30% đơn giá 1.871.500 đ/m ²
			Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 5 đến trụ số 6) thuộc thửa đất hiện trạng số 15 Tờ bản đồ số 1,	m ²	2.816,80	280.710	790.703.928	Hỗ trợ 30% đơn giá 935.700 đ/m ²
		Đất trồng Cao su 17 năm	cây	331,00	400.000	132.400.000		
Cộng						2.222.746.708		
12	Lê Thị Uyên Trinh CCCD:	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²					
		Đ/c: KP.Ninh Trung, Ninh Sơn, TPTN	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 03 đến trụ số 04) thuộc thửa đất hiện trạng số 35 Tờ bản đồ số 1,	m ²	358,30	561.450	201.167.535	Hỗ trợ 30% đơn giá 1.871.500 đ/m ²
		SĐT: 0909947888 (C.Nga)	Đất trồng Mãng cầu 5 năm	cây				Không bồi thường
Cộng						201.167.535		
13	Hồ Duy Thanh CCCD:	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²					
		Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²	0,00				
		Đ/c: Hiệp Thạnh, Hiệp Ninh, TPTN	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 03 đến trụ số 04) thuộc thửa đất hiện trạng số 21 Tờ bản đồ số 1,	m ²	594,60	561.450	333.838.170	Hỗ trợ 30% đơn giá 1.871.500 đ/m ²
		SĐT: 0982121285	Đất trồng Mãng cầu 5 năm	cây				

TAY
ĐẤT
THY

Stt	Họ và tên	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	<i>Cộng</i>					333.838.170	
14	chưa tìm được chủ	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CCCD:	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²				
	Đ/c:	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 07 đến trụ số 08) thuộc thửa đất hiện trạng số 04 Tờ bản đồ số 1,	m ²	33,40	2.552.220	85.244.148	Hỗ trợ 30% đơn giá 8.507.400đ/m ²
	<i>Cộng</i>					85.244.148	
15	Đỗ Thanh Nhân	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CCCD:	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²				
	Đ/c:	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 2 đến trụ số 3) thuộc thửa đất hiện trạng số 26 Tờ bản đồ số 1,	m ²	1.600,80	280.710	449.360.568	Hỗ trợ 30% đơn giá 935.700 đ/m ²
	SĐT:	cây cao su 10 năm	cây	105,00	400.000	42.000.000	
	<i>Cộng</i>					491.360.568	
16	Nguyễn Minh Hùng	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CCCD: 290489962	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²				
	Đ/c: KP. Ninh Tân, Ninh Sơn (gần quán CF Kỳ Nam)	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 6 đến trụ số 8) thuộc thửa đất hiện trạng số 8 Tờ bản đồ số 1,	m ²	149,20	116.550	17.389.260	Hỗ trợ 30% đơn giá 388.500đ/m ²
	SĐT: 0946588857	Đất trồng Mì					
	<i>Cộng</i>					17.389.260	
17	Nguyễn Kiên Cường	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	m ²				
	CCCD: 290654679	Đất Thu hồi chân trụ số (thuộc thửa đất số Tờ bản đồ hiện trạng số)	m ²				
	Đ/c: KP1, P1, TPTN	Đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện (từ trụ số 7 đến trụ số 8) thuộc thửa đất hiện trạng số 5 Tờ bản đồ số 1,	m ²	22,70			Hỗ trợ 30% đơn giá
	SĐT: 0919069074	Phạm vi 50m đầu	m ²	21,00	2.552.220	53.596.620	Hỗ trợ 30% đơn giá 8.507.400đ/m ²
		Phạm vi từ sau mét thứ 50	m ²	1,70	1.276.110	2.169.387	Hỗ trợ 30% đơn giá 4253.700đ/m ²
		Đất trồng ổi + dứa + cây ăn trái					
	<i>Cộng</i>					55.766.007	
	TỔNG CỘNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ					9.683.902.511	